

Bản án số: 83/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 17 – 8 - 2026

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Hồng Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Kim Thanh và bà Nguyễn Thị Xuyến.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Thanh Thuý - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 17/8/2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thái Nguyên, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số: 49/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2026 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Chị Tẩn Mỹ P, sinh năm 2004.

Địa chỉ: Xóm C, xã P, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc H, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Xóm C, xã P, tỉnh Thái Nguyên.

(Chị P vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn chị Tẩn Mỹ P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Quốc H tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên vào tháng 5 năm 2022 (nay là Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Thái Nguyên). Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng nhau chung sống với gia đình nhà chồng tại xã P. Thời gian đầu vợ chồng vẫn hạnh phúc, đến tháng 7 năm 2025 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng dẫn đến cãi vã thường xuyên. Vợ chồng không còn chia sẻ, thấu hiểu nhau. Mặc dù đã nhiều lần cố gắng đoàn tụ nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày một lớn khiến không khí gia đình luôn căng thẳng, cả hai không còn sự quan tâm, yêu thương hay hỗ trợ nhau trong cuộc sống. Từ tháng 02 năm

2026 vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị P xin được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 14/5/2022 và cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 12/01/2024. Khi ly hôn, chị P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Thanh T, để anh H trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Tuấn K.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do mỗi người trực tiếp nuôi một con nên chị P không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, khoản cho vay chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Quốc H:

Tại Biên bản làm việc ngày 07/7/2026 tại xóm C, xã P, tỉnh Thái Nguyên giữa Tòa án với bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1976, là mẹ đẻ của anh Nguyễn Quốc H, xác định anh H có đăng ký hộ khẩu cùng bố mẹ tại xóm C, xã P, tỉnh Thái Nguyên. Hiện nay anh H đi làm xa, không có mặt tại nhà. Anh H đã được biết việc chị P xin ly hôn.

Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị P tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn. Quá trình vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn. Đầu năm 2026, chị P về nhà ngoại ở và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị P xin ly hôn, anh H đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 14/5/2022 và cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 12/01/2024. Chị P xin trực tiếp nuôi cháu T, đề nghị giao cháu K cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không có ý kiến gì.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Quốc H tham gia phiên tòa. Tại phiên tòa lần thứ nhất anh H vắng mặt không có lý do. Tòa án đã hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ anh H tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh H tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Thái Nguyên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 207, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 56,

81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tần Mỹ P.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Tần Mỹ P được ly hôn với anh Nguyễn Quốc H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tuấn K cho anh Nguyễn Quốc H trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Thanh T cho chị Tần Mỹ P trực tiếp nuôi dưỡng. Do mỗi người trực tiếp nuôi một con nên không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Tần Mỹ P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Tần Mỹ P khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Quốc H. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Quốc H có địa chỉ tại xóm C, xã P, tỉnh Thái Nguyên. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thái Nguyên theo quy định tại các Điều 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về việc xét xử vắng mặt:

Chị Tần Mỹ P là nguyên đơn, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị P.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Quốc H, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc triệu tập, tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Qua Biên bản làm việc ngày 07/7/2026 với bà Nguyễn Thị H1 là mẹ đẻ của anh H xác định anh H có hộ khẩu thường trú cùng bố mẹ tại xóm C, xã P, tỉnh Thái Nguyên, hiện đi làm xa và anh H đã biết việc chị P xin ly hôn.

Tại phiên tòa lần thứ nhất, anh H vắng mặt không có lý do. Tòa án đã hoãn phiên tòa và tiếp tục triệu tập hợp lệ anh H tham gia phiên tòa lần thứ hai. Tuy nhiên, tại phiên tòa lần thứ hai anh H tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Quốc H.

Về nội dung:

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Tấn Mỹ P và anh Nguyễn Quốc H tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên vào tháng 5 năm 2022 (Nay là Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Thái Nguyên). Việc kết hôn là tự nguyện, không có căn cứ cho thấy việc kết hôn vi phạm các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh H là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng có cuộc sống hạnh phúc. Đến tháng 7 năm 2025, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã. Chị P xác định vợ chồng không còn sự chia sẻ, thấu hiểu, quan tâm, yêu thương và hỗ trợ nhau trong cuộc sống. Mặc dù đã nhiều lần cố gắng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Từ tháng 02 năm 2026, vợ chồng sống ly thân cho đến nay.

Qua xác minh với bà Nguyễn Thị H1 là mẹ đẻ của anh H cũng xác định quá trình chung sống giữa anh H và chị P có phát sinh mâu thuẫn, đầu năm 2026 chị P về nhà ngoại ở và vợ chồng sống ly thân. Anh H đã biết việc chị P xin ly hôn và có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Như vậy, lời trình bày của chị P về tình trạng hôn nhân phù hợp với nội dung xác minh tại địa phương và với tình trạng thực tế vợ chồng đã sống ly thân.

Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù anh H không trực tiếp đến Tòa án tham gia tố tụng nhưng anh H đã biết việc chị P xin ly hôn và không thể hiện yêu cầu đoàn tụ. Chị P kiên quyết xin ly hôn, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, hai bên đã sống ly thân từ đầu năm 2026 đến nay.

Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, thực tế quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh H đã không còn duy trì được các nghĩa vụ của vợ chồng, đời sống chung không còn hạnh phúc.

Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định trường hợp vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ cho thấy hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị Tấn Mỹ P và anh Nguyễn Quốc H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P, cho chị P được ly hôn với anh H là phù hợp quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung:

Chị Tấn Mỹ P và anh Nguyễn Quốc H có 02 con chung là cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 14/5/2022 và cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 12/01/2024.

Chị P có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Thanh T, đề nghị giao cháu Nguyễn Tuấn K cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Qua xác minh, anh H không có ý kiến gì đối với việc chị P xin nuôi cháu T và đề nghị giao cháu K cho anh nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy cả hai cháu đều còn nhỏ, cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng thường xuyên của cha và mẹ. Việc giao mỗi người trực tiếp nuôi một con là phù hợp với nguyện vọng của các bên, đồng thời bảo đảm điều kiện để các cháu được cha, mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Do đó, cần giao cháu Nguyễn Tuấn K cho anh Nguyễn Quốc H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao cháu Nguyễn Thanh T cho chị T1 Mỹ Phương trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do mỗi người trực tiếp nuôi một con chung và chị P không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung:

Chị P và anh H xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí:

Chị Tân Mỹ P là nguyên đơn và yêu cầu ly hôn được chấp nhận nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

[7]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Thái Nguyên về đường lối giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8]. Về quyền kháng cáo:

Chị Tân Mỹ P và anh Nguyễn Quốc H có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 207, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tẩn Mỹ P.

Cho chị Tẩn Mỹ P được ly hôn với anh Nguyễn Quốc H.

2. Về con chung: Chị Tẩn Mỹ P và anh Nguyễn Quốc H có 02 con chung là cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 14/5/2022 và cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 12/01/2024.

Giao cháu Nguyễn Tuấn K cho anh Nguyễn Quốc H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Giao cháu Nguyễn Thanh T cho chị T1 Mỹ Phương trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Tẩn Mỹ P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000969 ngày 13/3/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Chị P đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Tẩn Mỹ P và anh Nguyễn Quốc H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 3 - TN;
- Phòng Thi hành án khu vực 3 – Thái Nguyên;
- UBND xã Quân Chu, Thái Nguyên.
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Hồng Nam

